

Bản án số: 355/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên H

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị N

Ông Nguyễn Quang H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu P – Thư ký TAND huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* **Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn 5, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. “Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

Bị đơn:* **Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn 2, xã K huyện G, thành phố Hà Nội. “Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2024, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Q trình bày:

Về tình cảm: Tôi và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn 2, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội có tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi cùng chung sống tại gia đình tôi ở địa chỉ thôn 5, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng tôi đã ngồi xuống nói chuyện nhưng không thể hàn gắn được. Tháng 6 năm 2022 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 2, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội sinh sống. Vợ chồng tôi chính thức ly thân, cắt đứt mọi liên lạc và quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn quá lớn không thể đoàn tụ được. Yêu cầu Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với chị T.

Về con chung: Tôi và chị T không có con chung.

Về con riêng của tôi có 02 con: Nguyễn Duy T sinh năm 1998 và Nguyễn Duy C sinh năm 2006. Tôi không yêu cầu gì về con riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt, có lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử như sau: Tôi và anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1973 có tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 24/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi sinh sống tại gia đình chồng ở địa chỉ thôn 5, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 30/6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, tôi bỏ về nhà bố đẻ sinh sống tại thôn 2, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q cờ bạc, vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống. Nay anh Q có đơn xin ly hôn với tôi, tôi đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng tôi không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện G thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Căn cứ các Điều 19, 51, 56 của Luật HNGĐ năm 2014:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân Q. Anh Q được ly hôn với chị T.

+ Về con chung: Anh Q và chị T không có con chung.

+ Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Vụ án thụ lý từ ngày 11/6/2024, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Anh Q có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền loại việc giải quyết của Tòa án. Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Chị T là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn 2 xã K, huyện G, thành phố Hà Nội, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện G thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án.

[2]. Nhận định về việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị T: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, anh Q và chị T vắng mặt lần thứ nhất, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt anh Q và chị T là có căn cứ.

[3]. Nhận định về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 24/5/2018 tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, có xuất trình giấy chứng nhận kết hôn bản sao, đủ cơ sở kết luận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Tại quá trình chuẩn bị xét xử anh Q và chị T, chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng anh Q chị T mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2022 dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau, nên xác định anh Q chị T sống ly thân từ 2022 đến nay. Xét anh Q và chị T đều vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa quan tâm, yêu thương, chia sẻ, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc gia đình, phải sống chung với nhau trừ khi có thỏa thuận khác, nên hôn nhân của anh Q chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho anh Q được ly hôn với chị T là phù hợp với Điều 19, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Anh Q, chị T và chính quyền địa phương cùng xác nhận anh Q chị T không có con chung, HĐXX không xem xét giải quyết. Con riêng của anh Q không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh Q không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Nhận định về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của anh Q được chấp nhận, anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

+ Các Điều 28, 35, 39, 227, 271, 273, 277, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân Q đối với chị Nguyễn Thị T. Xử cho anh Nguyễn Xuân Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị T không có con chung, không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh Nguyễn Xuân Q không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Q đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004236 ngày 11/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND h. G;
- Chi cục THADS h. G;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 31/2018 ngày 24/5/2018).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Vũ Thiên Hương